

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28/11/2019

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoa Lý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Công Đạt;

2. Ông Trương Quang Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa:
Ông Y Dum Kpă – Kiểm sát viên.

Ngày 28/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/10/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn a, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn a, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày: Chị P và anh Nguyễn Thành T tự nguyện yêu thương nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương và chung sống với nhau từ năm 2012 cho đến nay. Tuy nhiên đến ngày 05/5/2014, chị P và anh T mới đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Thời gian đầu chị P, anh T chung sống rất hạnh phúc với nhau như những cặp vợ chồng khác. Tuy nhiên thời gian gần đây, vợ chồng chị P, anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuần là do tính cách và quan điểm sống của hai vợ chồng ngày càng trái ngược nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh T không lo làm ăn, không chăm sóc gia đình dẫn đến mâu thuẫn của chị P, anh T ngày càng trở nên trầm trọng. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và bản thân chị P không còn tình cảm yêu thương và không muốn chung sống với anh T nữa nên chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị P được ly hôn anh Nguyễn Thành T.

Về con chung, quá trình chung sống, chị P và anh Nguyễn Thành T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 12/12/2012 và Nguyễn Thành Hải Đ, sinh ngày 07/12/2016. Sau ly hôn, chị P yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu Nguyễn Thành Hải Đ cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Thành Đ cho anh Nguyễn Thành T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị P không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung, chị P không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, anh Nguyễn Thành T trình bày: Anh T và chị Nguyễn Thị P tự nguyện yêu thương nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương và chung sống với nhau từ năm 2012 cho đến nay. Tuy nhiên đến ngày 05/5/2014, anh T và chị P mới đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau tổ chức lễ cưới hỏi, anh T và chị P chung sống rất hạnh phúc với nhau như những cặp vợ chồng khác. Tuy nhiên, trong quá trình vợ chồng chung sống với nhau cũng không thể tránh khỏi những mâu thuẫn, xích mích. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T và chị P bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã, xung đột. Tuy nhiên, anh T cho rằng đó chỉ là những chuyện nhỏ nhặt trong cuộc sống vợ chồng có thể bỏ qua cho nhau được chứ không đến mức nghiêm trọng. Bản thân anh T vẫn còn rất yêu thương vợ là chị Nguyễn Thị P. Do vậy anh T không đồng ý ly hôn, anh T yêu cầu Tòa án hòa giải cho anh T và chị P được đoàn tụ vợ chồng để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung, quá trình chung sống, anh T và chị Nguyễn Thị P có 02 con chung là cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 12/12/2012 và Nguyễn Thành Hải Đ, sinh ngày 07/12/2016. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh T yêu cầu Tòa án giải quyết giao cho chị Nguyễn Thị P là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thành Hải Đ và giao cho anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thành Đ đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản và công nợ chung, anh T không yêu cầu giải quyết.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; Đối với bị đơn anh Nguyễn Thành T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án, chị P và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn; xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị P được ly hôn với anh T. Về con chung: Đề nghị HĐXX chấp nhận giao con chung Nguyễn Thành Hải Đ, sinh ngày 07/12/2016 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành và giao cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 12/12/2012 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành; về cấp dưỡng nuôi con chung, chị P và anh T không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản và công nợ chung các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu, ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do, việc cố tình vắng mặt của anh T là tự mình đã từ bỏ quyền được pháp luật bảo vệ và phải chịu hậu quả pháp lý của việc giải quyết vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[1] *Về hôn nhân*: Chị P và anh T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012, đến ngày 05/5/2014 thì đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách và quan điểm sống của hai bên ngày càng trái ngược nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh T không lo làm ăn, không chăm sóc gia đình dẫn đến mâu thuẫn của chị P, anh T ngày càng trở nên trầm trọng. Tuy anh T mong muốn được đoàn tụ với chị P nhưng đã tiến hành hòa giải 02 lần và tại phiên tòa hôm nay, chị P vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn.

Qua xác minh tình trạng hôn nhân của chị P, anh T tại: thôn 14, xã P, huyện K thì được biết giữa vợ chồng chị P, anh T có xảy ra mâu thuẫn với nhau và thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Xét yêu cầu ly hôn của chị P, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 54, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung*: Quá trình chung sống chị P và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 12/12/2012 và Nguyễn Thành Hải Đ, sinh ngày 07/12/2016. Xét nguyện vọng của các bên cần giao Nguyễn Thành Hải Đ cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và giao cháu Nguyễn Thành Đ cho anh Tài trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); chị P, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết. Anh T, chị P được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

[3] *Về tài sản và công nợ chung*: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị P.

- *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Thành T

- *Về con chung*: Giao con chung Nguyễn Thành Hải Đ, sinh ngày 07/12/2016 cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); giao con chung Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 12/12/2012 cho anh Nguyễn Thành T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị P, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T, chị P được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

- *Về tài sản và công nợ chung*: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị P phải chịu số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0014293 ngày 31/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã P, huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Hoàng Thị Hoa Lý